

LỚP TƯỢNG DI ĐÀ TIẾP DẪN TRONG BÀI TRÍ AN VỊ Ở MỘT SỐ NGÔI CHÙA BẮC BỘ

ĐINH VIẾT LỤC^(*)

Trong giới hạn mà ta thường bắt gặp ở một ngôi chùa Bắc Bộ cổ truyền, thường có cấu trúc mặt bằng ba toà kiến trúc được liên kết với nhau, và cả ba đều có tượng theo một trình tự như sau:

Một là: Tòa tiền đường (còn gọi là chùa hộ), nơi đây có tượng Hộ pháp (hộ trì Phật pháp). Bên trái là Hộ pháp khuyến thiện: vẻ mặt đầy đặn, hiền từ, khoan dung, da trắng ngà, tay cầm viên ngọc khuyên mọi người làm nhiều việc thiện và giữ lòng sáng trong như ngọc Phật. Bên phải là Hộ pháp trừng ác: mặt đỏ, dữ tợn, tay cầm long đao (hoặc chùy) làm nhiệm vụ trừng ác. Cả hai vị luôn mặc giáp trụ võ tướng, dù đứng hay ngồi trên lưng sư tử thì đầu vẫn cao gần tới mái nhà, rất to lớn, ta thấy ngay được quyền uy và sức mạnh to lớn của hai Ngài. Trong dân gian còn gọi là ông Thiện và ông Ác, bởi lẽ ông Thiện là khuyến thiện, ông Ác là trừ ác.

Cặp tượng nữa ở tiền đường là Đức Ông và Thánh Tăng. Đức Ông (còn gọi là Đức Chúa Ông) thường được giải thích là Cấp Cô Độc, người đã mua đất của Thái tử Vi Đà cúng cho Đức Phật làm nơi thuyết pháp. Thánh Tăng (còn gọi là Thánh Hiền) là một vị Long Thần, địa quan coi trông dải đất Tam Bảo nơi chùa tọa lạc. Cũng có người cho rằng Thánh Tăng lại là hình tượng các tổ chuyên dâng ban đầu là Ca Diếp hoặc Anan.

Trên bục tượng Đức Ông có hai pho tượng là Già Lam và Chân Tể là hai hộ thần giúp Đức Ông giữ gìn Phật pháp.

Trên bục tượng Thánh Tăng có bộ tượng Diêm Nhiên và Đại Sĩ tượng trưng cho quỷ đói, đến nghe tụng pháp môn Đà La Ni để được thí thực (được hưởng bố thí thực lương).

Hai là: Tòa thiêu hương: Đây là tòa nhà chạy dọc, để phân đầu nối vuông góc với tòa tiền đường ở trung tâm, phần sau nối vuông góc với tòa thượng điện ở trung tâm. Tượng được bày ở đây vào trong ngôi Thượng điện thường được gọi là Tam Bảo.

Thiêu hương là tòa nhà để nhà sư niệm hương, trì mõ, chuông, tụng kinh hành trì. Dọc hai bên tường có hai nhóm tượng. Nhóm bên ngoài một bên là Giám Trai (thần giám sát việc ăn uống của nhà chùa), bên kia là Thổ Địa (thần coi trông đất đai nhà Phật).

Nhóm tượng bên trong là thập điện diêm vương, mỗi bên có năm vị đối diện nhau. Đây là 10 vị vua trị vì âm phủ, nơi tra xét, cân nhắc công tội của các linh hồn người chết, xem lúc sinh thời đã làm việc ác hay thiện, để tùy tội nặng hay nhẹ mà bị tù đày hay vào lục đạo của luân hồi chuyển kiếp.

Mười vị diêm vương đó là: Tần Quảng Vương (Quản điện thứ nhất)

*. ThS., Hà Nội.

Sở Quang Vương (Quản điện thứ hai)
 Tống Đế Vương (Quản điện thứ ba)
 Ngũ Quang Vương (Quản điện thứ tư)
 Diêm La Vương (Quản điện thứ năm)
 Biến Thành Vương (Quản điện thứ sáu)
 Thái Sơn Vương (Quản điện thứ bảy)
 Bình Đẳng Vương (Quản điện thứ tám)
 Đô Thị Vương (Quản điện thứ chín)
 Chuyển Luân Vương (Quản điện thứ mười)

Ba là: Tòa thượng điện: Đây là không gian chính của Phật điện. Tượng ở đây được bày theo lớp từ ngoài vào trong và từ thấp lên cao.

Lớp tượng thứ nhất: Tượng Thích Ca sơ sinh, là hình một chú bé, mặc váy ngắn đứng trên tòa sen, tay phải (dương) chỉ xuống đất (âm), tay trái (âm) chỉ lên trời (dương). Biểu hiện âm dương lưỡng hợp thiên địa khí: cân bằng trong sự phát triển. Vào thời Nguyễn tượng này được tạc Thích Ca đứng trong tòa rồng mây, rồng ẩn trong mây phun nước, xung quanh có các tượng nhỏ là các chư thiên ở cửa Trời và các chư Phật ở cửa Phật, chứng minh và hộ mệnh cho Đức Thích Ca lúc mới sinh. Tượng này được gọi là tòa Cửu Long.

Hai bên tòa Cửu Long còn có cặp tượng lớn là Phạm Thiên - Đế Thích là hai vua ở cõi trời Đao Lợi (làm chủ cõi Sa Bà của ta).

Đây là hai vị vua trên trời nên tượng tạc đầu đội mũ bình thiên. Các ngài đứng đầu tam thiên, đại thiên thế giới, ngự xuống đón mừng Đức Thích Ca ra đời.

Cũng có chùa đặt tòa Cửu Long ở giữa bốn tượng Tứ Thiên Vương (ở tầng Trời dục giới), đó là: Trì Quốc Thiên Vương (hộ

trì Quốc thổ phương đông), Quảng Mục Thiên Vương (quản lãnh phương tây), Tăng Trưởng Thiên Vương (quản lãnh phương nam) và Đa Văn Thiên Vương (quản lãnh phương bắc). Các vị này giúp Phật Thích Ca hoàng dương Phật pháp.

Cũng có chùa để tòa Cửu Long giữa bốn tượng Bồ Tát (gọi là tứ Bồ Tát). Đó là Quyển Bồ Tát, Sách Bồ Tát, Ái Bồ Tát và Ngũ Bồ Tát.

Lớp tượng thứ hai: (du nhập từ Đạo giáo vào) gồm tượng vua cha Ngọc Hoàng Thượng Đế ở giữa, bên trái là thần Nam Tào (ghi sổ sinh), bên phải là thần Bắc Đẩu (xóa sổ tử). Vua cha Ngọc Hoàng ra sắc chỉ, khi sinh thì thần Nam Tào ghi tên vào sổ sinh, khi chết thì thần Bắc Đẩu xóa tên trong sổ tử.

Lớp tượng thứ ba: Gồm ba vị (gọi là Hoa Nghiêm Tam Thánh) ở giữa là tượng Phật Trì Lưu Xá Na (gọi là Phật Trì Lưu) hai bên là hai đại Bồ Tát. Đó là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát.

Cũng có chùa ở giữa bày tượng Phật Di Lặc, hai bên có hai vị Bồ Tát là Diệu Cát Tường (pháp danh của Văn Thù) tay kết ấn mật phùng (tay trái bọc ngoài tay phải, lấy định để an tuệ), chủ về trí tuệ, bên này là Pháp Hoa Lâm (pháp danh của Phổ Hiền) tay kết ấn liên hoa hợp chưởng biểu hiện lí không phân hai.

Cũng có chùa lớp này lại bày tượng hai vị Phật. Đó là Tuyết Sơn (Phật Thích Ca tu khổ hạnh: thân gày gộc) và Di Lặc to béo. Hai vị này tương phản, đối lập nhau về hình tướng (thật béo - thật gầy) trong dân gian gọi ông gày là “tu lo” (lo nghĩ nhiều), gọi ông béo là “tu theo pháp hỉ” (lấy vui để tu) rất hoan hỉ, lạc quan.

Các chùa có tên chữ là “đại bi tự” (chùa đại bi) lại lấy việc thờ Bồ Tát Quán

Thế Âm là chính. Lớp thứ ba này hay bày ở giữa tượng Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân. Hai bên là Kim Đồng và Ngọc Nữ (chính là hai trẻ gái trai là Thiện Tài Đồng Tử (bên phải) và Long Nữ (bên trái) được Phật độ cho làm vệ sĩ).

Phần lớn ở các chùa khác, bộ Bồ Tát cứu độ chúng sinh hay được bày ở bên trái của gian giữa, với cái lí Bồ Tát gần gũi với chúng sinh để dễ tiếp độ. Tượng này tùy hình thể mà được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: Quan Âm Chuẩn Đề, Quan Âm Nam Hải... Đối lại là gian bên phải lại được bày tượng Quan Âm Tống Tử hoặc Quan Âm Thị Kính hay Quan Âm Tọa Sơn.

Lớp tượng thứ tư: Gồm ba tượng. Ở giữa là Đức Phật Thích Ca thành đạo (gọi là Phật Thế Tôn, hoặc Phật Liên Hoa vì tay phải Ngài cầm bông hoa sen giơ lên, biểu thị truyền tâm pháp), bên phải có tượng tổ thứ nhất là Ca Diếp, bên trái có tượng tổ thứ hai là A Nan Đà đang đứng ôm quyển kinh. Bộ tượng này có tên là “Nhất Phật nhị tôn giả” (một Phật với hai vị tôn giả).

Cũng có chùa ở giữa lại thay bằng tượng Tuyết Sơn (vẫn là Đức Phật Thích Ca trong giai đoạn tu ép xác-chưa thành Phật).

Lớp tượng thứ năm: Gồm ba tượng. Ở giữa là tượng A Di Đà, bên trái là tượng Quan Âm Bồ Tát (đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn), bên phải là tượng Đại Thế Chí (tiêu biểu cho trí tuệ). Từ bi và trí tuệ. Đây là bộ tượng rất phổ biến trong các chùa Việt. Mang tính tiếp dẫn chúng sinh về cõi Tây Phương cực lạc. Rất phù hợp với pháp tu Tịnh Độ của người Việt Nam là niệm Phật thì được về cõi Tây Phương (niệm lục tự hồng danh của Đức Phật là: Nam Mô A Di Đà Phật). Bộ tượng ở lớp này gọi là Di Đà tam tôn.

Số ít chùa, sau lớp tượng này ở phía trên, còn có bộ tượng Phật tam thân (là pháp thân, báo thân và ứng thân). Lí pháp tụ là pháp thân, trí tuệ pháp tụ là báo thân và công đức pháp tụ là ứng thân.

Lớp tượng thứ sáu: (Là lớp cuối cùng) gồm ba tượng gọi là Phật tam thế tượng trưng cho tam thế tam thiên Phật (là ba ngàn Đức Phật trong ba đời quá khứ (gắn với trang nghiêm kiếp), hiện tại (gắn với hiện kiếp) và vị lai (gắn với tinh tú kiếp).

Trong tổng thể lớn kể trên, chúng tôi xin phân tích bộ tượng Di Đà tiếp dẫn. Đây là bộ tượng có liên quan nhiều đến đời sống tín ngưỡng của người dân Việt Nam.

a. Ý nghĩa với cuộc sống của người dân Việt Nam

Niệm Phật thuộc pháp tu Tịnh Độ. Đây là một trong mười tông phái của Phật giáo Bắc tông được truyền vào Trung Quốc và Việt Nam. Pháp môn niệm Phật cầu vãng sinh đã trở thành phổ cập trong quảng đại quần chúng. Phật tử Việt Nam không cần biết mình thuộc tông phái Phật giáo nào, nhưng mọi người rất coi trọng pháp tu Tịnh Độ “A Di Đà”. Khi vào chùa chào sư tăng người ta cũng niệm tên Ngài “A Di Đà Phật”, đi lễ hội người ta cũng chào nhau bằng “A Di Đà Phật” một cách thành kính và tin rằng Đức Phật đã chứng độ cho. Cõi của Đức Phật A Di Đà là Tịnh Độ, gọi là Cực Lạc Quốc, ở về phương tây. Ngài có nhiều hồng danh, song phổ biến nhất là vô lượng thọ, vô lượng quang... với ý nghĩa ánh sáng Phật pháp của Ngài phát ra là vô tận, chiếu xuyên thời gian, trải khắp không gian, không có việc gì mà Ngài không biết, không có việc gì mà Ngài không làm được. Ở đâu có lời kêu

khổ, hoặc gặp hoạn nạn rủi ro mà niệm Phật, là Ngài đến cứu vớt cho tai qua nạn khỏi. Phật tử Việt Nam niệm Phật để sau này được về thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phải khổ ải quay lộn trong vòng sinh tử. Do vậy bộ tượng Di Đà tiếp dẫn là quan trọng bậc nhất và không thể thiếu được trong các chùa ở Miền Bắc Việt Nam.

b. Cách thể hiện bộ tượng Di Đà tiếp dẫn qua các thời kì

Tượng A Di Đà: Nói chung trong số tượng Phật của một ngôi chùa thì tượng A Di Đà thuộc loại lớn nhất. Thế nhưng tượng A Di Đà còn lại đến ngày nay thì đều khá muộn, từ thời Mạc về trước chúng ta chưa tìm thấy pho nào.

Có thể từ thế kỉ XVII về sau, do tình hình xã hội rối ren, chiến tranh giữa các phe phái quý tộc, khởi nghĩa của nhân dân và đàn áp của triều đình, tư tưởng Nho giáo khủng hoảng, nhiều Nho gia tìm đến cửa Phật. Trong xã hội có nhiều biến động ấy người ta mơ về một cõi Tịnh Thổ của Đức Phật A Di Đà. Tượng này đã được thể hiện qua điêu khắc trong chùa Việt. Có hai dạng tượng A Di Đà là dạng đứng và dạng ngồi.

Tượng A Di Đà ngồi: ở chùa Thày-Hà Tây (tên chữ là Ninh Phúc Tự) có bộ tượng Di Đà Tam Tôn thuộc loại sớm nhất và cũng rất đẹp. Tượng ngồi kiết già để lộ hai bàn chân trên lòng đùi. Tượng cao 175 cm ngồi trên tòa sen cao chừng 100 cm với nhiều hình chạm khắc trang trí tinh xảo, chi tiết, tiêu biểu của điêu khắc gỗ đầu thế kỉ XVII. Tượng tạc theo một khối tam giác đóng kín, hai khuỷu tay khuỳnh ra rồi thu vào lòng kết ấn tam muội, tạo cho toàn thân hai nửa đăng đối nhau qua trục đứng của tượng. Đầu tượng dài 60cm chiếm 1/3 chiều cao

tượng. Sọ nở không có nhục khẩu mà chỉ có bạch ngọc hào. Khuôn mặt trái xoan phù hợp với thân hình thon thả. Tượng dùng nếp áo chảy xuôi để tạo nhịp cho khối điêu khắc. Phật đeo hoa tai hình bông sen (đây là lần đầu tiên thấy hình tượng này). Mặt tượng toát ra vẻ từ bi, thánh thiện.

Tượng A Di Đà ngồi ở nhiều chùa khác cũng tương tự: Luôn kết ấn tam muội, hầu hết đều không có nhục khẩu (như chùa Tây Phương-Hà Tây, chùa Côn Sơn-Hải Dương, chùa Khám Lạng-Bắc Giang), ngực tượng đeo dây Anh Lạc hoặc chữ Vạn. Đôi khi có cả chữ Vạn và dây Anh Lạc (như chùa Vạn Vân-Bắc Giang).

Đặc biệt ở chùa Côn Sơn có pho tượng A Di Đà lớn nhất: cao 258cm, ngồi trên đài sen trang trí cao 60cm, tất cả lại đặt lên bệ gỗ cao 18cm. Đây là pho tượng to và đẹp mang phong cách điêu khắc thế kỉ XVII.

Tượng A Di Đà đứng: Tượng A Di Đà đứng không phổ biến như tượng A Di Đà ngồi.

Đây là một khối điêu khắc điển tả đức A Di Đà đứng trên đài sen, chân hơi mở tạo thế khỏe, vững vàng, cao hơn người thực, mặc áo dài chạm đất. Hai vạt áo mở chéo trước bụng để hở ngực trần, tay phải duỗi thẳng chỉ xuống đất biểu hiện sự chứng giám và tiếp nối trục khí thiên địa, tay trái co ngang trước bụng để ngửa bàn tay. Có một viên ngọc trong lòng bàn tay biểu hiện ánh sáng của Phật pháp (cũng là lối kết ấn cam lồ), đầu tóc xoắn, không quan tâm đến nhục khẩu (riêng chùa Tây Phương đầu có phần thắt như hình nhục khẩu đang phát triển), phần ngực thì có pho để trần (như ở chùa La Phù) có pho đeo dây Anh Lạc (như ở Chùa Tre), có pho cả dây Anh Lạc lẫn chữ Vạn (như ở

chùa Tây Phương), mặt tượng đầy đặn, đôn hậu, tay rất dài (riêng tượng Chùa Keo có đeo hoa tai nhỏ).

Phần lớn các tượng A Di Đà đứng còn lại là điêu khắc gỗ cuối thế kỉ XVI đầu thế kỉ XVII. Sang thời Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII nếp áo của tượng đã khỏe, động, để tạo nhịp lớn cho khối điêu khắc vững chắc, tĩnh mà lại động.

Tượng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ngồi: Bộ tượng này là những khối điêu khắc gỗ diễn tả Bồ Tát ngồi trên đài sen ở thế bán già. Dáng chung tương tự tượng Phật ở thế tay, song tóc Quán Âm Bồ Tát dài, chải ngược, búi lên đỉnh đầu rồi đội mũ, riêng tóc mai buộc thành lọn chảy xuống vai.

Đặc biệt ở Chùa Thầy (Hà Tây) tượng Quán Âm (thế kỉ XVII) lại trong tư thế ngồi như Phật Quán Âm tọa sơn. Một chân co gập ngang, một chân duỗi thẳng xuống, tà áo phủ kín bệ tượng, một tay để ngửa trong lòng, tay kia nắm lại để trên đùi, đầu đội mũ thiên quan, tóc mai rủ qua tai tới vai, chia thành ba lọn chảy xuống bả vai, ngực có dây Anh Lạc được chạm khắc rất chi tiết, tinh vi.

Tượng Đại Thế Chí ngồi bán già trên đài sen, hai tay kết ấn mật phùng, tư thế nghiêm túc như tượng Phật Thế Tôn. Tóc mai chảy từ vành mũ xuống vai, rồi chia thành năm lọn chạy xuống bả vai. Đặc biệt hai pho tượng này mình được cuốn những chuỗi hạt tròn và bầu dục, to nhỏ khác nhau với những bông cúc mãn khai, vừa tăng tính trang trí cho pho tượng, vừa mang ý nghĩa các tràng hạt thiêng liêng của pháp Phật.

Bộ tượng này có vẻ đẹp thiêng liêng của loại tượng Phật giáo ở Bắc Bộ, nhưng vẫn gần gũi với đời thường của các chúng sinh. Chắc đây là ý tưởng của tác giả

muốn thể hiện cái lí tiếp độ chúng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc của các vị Bồ Tát này.

Tượng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng: Những bộ tượng hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng cũng có nhiều dạng khác nhau. Hiện có từ thế kỉ XVII trở về sau. Những bộ sớm hơn thì nghệ nhân tạc rất giống nhau. Ta muốn gọi tên và phân biệt thì chỉ có một cách là dựa vào vị trí bày ở bên trái hay bên phải của tượng Phật A Di Đà. Những bộ tượng muộn từ thời Nguyễn thì mới tạc khác nhau. Mỗi vị Bồ Tát có một đặc trưng riêng.

Như ở chùa Bãi Cát Quế - Hà Tây (tên chữ là Đại Bi tự), hai pho tượng này giống hệt nhau cả về tỉ lệ, kích thước bố cục. Chỉ khác nhau có 3 lọn tóc chảy xuống vai (ở một pho thì tóc hơi uốn lượn). Tượng đều cao 152cm, trong đó đầu 25cm, đều có mặt trái xoan, mũi dọc dừa, miệng ẩn một nụ cười tế nhị, mắt khép hờ, tai dài chấm vai đeo hoa, đầu đội mũ thiên quan, đứng trên đài sen cao, áo dài trùm chân, ngực hở ra, có phần yếm tròn, hai tay chấp trước ngực. Tượng mang phong cách thế kỉ XVII.

Sang thời Nguyễn, tượng Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí không giống nhau hoàn toàn nữa. Ví dụ ở chùa La Phù - Hà Tây (Trung Hưng tự) còn bộ tượng hai vị Bồ Tát này, thoáng nhìn khối lớn thấy giống nhau. Tượng cao 132cm đứng trên tòa sen, tóc chải lên đỉnh đầu để búi, rồi đội mũ có thành cao hình hai cánh sen, ộp vào mặt mũ là đôi Long hóa (đầu rồng, mình là cành hoa) rồng châu mặt trời (khá phổ biến của thời Nguyễn), mặt bình thản, tai dài vừa phải, áo dài, ống tay rộng phủ tới gấu áo. Cái mới là Bồ Tát Quán Thế Âm hai tay nâng bình nước cam lồ, biểu tượng của sự từ bi

cứu độ chúng sinh một cách nhanh nhất, còn Bồ Tát Đại Thế Chí hai tay ôm cuốn kinh Phật, biểu tượng của trí tuệ. Bởi vậy, sau khi đặt sai vị trí là ta nhận ra ngay. Dạng tượng này thường thấy ở nhiều chùa.

Vài ý bàn về các pho tượng Phật ngày nay

Nguồn tạo tác tượng Phật chỉ dựa vào hai đối tượng: một là các nghệ sĩ được đào tạo cơ bản về điêu khắc ở các trường mỹ thuật ra, hai là các nghệ nhân ở các làng nghề tạc tượng truyền thống như Hải Long - Hải Hậu (Nam Hà), Võ Lăng (Hà Tây), Sơn Đồng (Hà Tây). Người giao việc và nghiệm thu là một nhà sư. Do vậy những pho tượng Phật ngày nay làm ra chất lượng chưa cao và không có sự đồng nhất của từng loại tượng (Phật, Bồ Tát, Kim Cương...) không được đồng nhất ở các chùa mới làm cùng thời.

Nguyên nhân dẫn đến sự không đồng nhất và chất lượng chưa cao

Một là: Đối với các nghệ sĩ, họ chỉ được đào tạo các kiến thức cơ bản như hình họa, giải phẫu cơ thể người, trang trí, chất liệu điêu khắc, bố cục tượng, còn vốn nghiên cứu giáo lý nhà Phật và thể hiện theo các quy thức chuyên sâu về tượng Phật lại không có. Thậm chí có nhiều nghệ sĩ cả đời chỉ được làm một tượng Phật, còn phần lớn là không được làm một pho nào.

Hai là: Đối với các nghệ nhân, họ không được đào tạo cơ bản về điêu khắc và giáo lý Phật giáo. Họ chỉ tạo tác tượng pháp theo cách truyền nghề của nghệ nhân làng nghề, vừa làm vừa học, lúc đầu thì thợ cả làm là chính, người học nghề chỉ phụ thêm, dần dần tay nghề nâng cao thêm thì thợ phụ làm là chính, thợ cả chỉ

làm thêm khâu cuối cùng. Thậm chí người học nghề có thể làm tất, thợ cả chỉ sửa tượng ở khâu cuối cùng mà thôi.

Ba là: Đối với các nhà sư, họ giao việc và nghiệm thu chỉ dựa vào cảm nhận cá nhân về tượng pháp. Những hiểu biết chuyên sâu về nghệ thuật tạc tượng, quy thức tạc tượng, kỹ thuật sơn thiếp tượng Phật thì hết sức hạn chế, thậm chí khi tượng làm xong rồi các lớp tượng bày như thế nào, bày ở vị trí nào (ở những ngôi chùa mới) nhiều nhà sư còn rất lúng túng và xếp đặt tượng còn bị nhầm lẫn.

Do vậy xin kiến nghị

1. Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên phối hợp với các nhà nghiên cứu Phật học, các nhà nghiên cứu mỹ thuật Phật giáo, Hội Mỹ thuật Việt Nam, nghệ nhân làng nghề có trình độ cao cùng nhau thống nhất để sớm ra được cuốn sách chuẩn mực tạo tác tượng pháp Phật giáo Việt Nam và cách bài trí tượng pháp trong chùa Việt. Có như vậy tượng pháp Phật giáo của ta mới có tiếng nói riêng so với các tượng pháp Phật giáo của các quốc gia khác và sự bài trí tượng pháp trong chùa mới đúng bài bản, theo quy thức của nhà Phật.

2. Phải có hội đồng giao việc và nghiệm thu từng bước từ khâu nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng. Có như vậy chúng ta mới có được các pho tượng đẹp về hình tướng và đạt về nội dung, đóng góp được một diện mạo riêng của tượng pháp Phật giáo Việt Nam so với các tượng pháp Phật giáo Quốc tế.

Mỗi ngôi chùa Việt Nam là một bảo tàng nghệ thuật, văn hóa và tôn giáo của dân tộc. Để có một ngôi chùa thuần Việt và hoàn chỉnh vẫn là niềm mong muốn của chúng ta./.